

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Minh;

Ông Lê Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1990; có mặt
Cư trú tại: đường N, phường M, TP. T, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1987; có mặt.
Cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Trần Quốc H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H xúc phạm chị và gia đình chị; vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Năm 2019, chị đã yêu cầu ly hôn một lần, anh H hứa thay đổi nên chị rút đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó, anh H vẫn không thay đổi. Nay chị không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 25/10/2013, hiện nay đang sống chung với chị; ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh H trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về quá trình kết hôn. Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý. Từ tháng 10/2019 đến nay vợ chồng không sống chung nhưng anh vẫn về nhà thăm vì còn thương vợ, con. Nay anh yêu cầu được đoàn tụ, không thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ T và bị đơn anh Trần Quốc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp; gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Năm 2019, nguyên đơn đã nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đến nay vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Trần Hữu T, sinh ngày 25/10/2013, hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, bị đơn cũng thống nhất giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho chị Huỳnh Thị Mỹ Tiên trực tiếp nuôi; bị đơn anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Quốc H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Hữu T, sinh ngày 25/10/2013 cho nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Trần Quốc H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0013576, ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa